

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136/2007/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2007

**QUYẾT ĐỊNH**  
**về việc phê duyệt Chương trình khuyến công**  
**quốc gia đến năm 2012**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công thương,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2012 với các nội dung chủ yếu sau:

**I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

1. Huy động các nguồn lực trong nước

và ngoài nước tham gia đầu tư sản xuất công nghiệp và các dịch vụ khuyến công ở nông thôn, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế - lao động theo hướng công nghiệp hóa, góp phần xóa đói, giảm nghèo và phát triển đời sống văn hóa - xã hội ở nông thôn.

2. Phát triển công nghiệp ở nông thôn với tốc độ tăng trưởng không thấp hơn tốc độ bình quân cả nước. Đến năm 2010, tỷ trọng công nghiệp nông thôn trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp đạt 28 - 30%, kim ngạch xuất khẩu hàng tiêu thủ công nghiệp đạt khoảng 1 tỷ USD, tăng dần tỷ trọng công nghiệp chế biến các sản phẩm nông - lâm - thủy sản.

## II. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

### 1. Phạm vi

Chương trình gồm các hoạt động khuyến công quy định tại Điều 3 Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ, do Bộ Công thương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (dưới đây gọi là tỉnh) quản lý và tổ chức thực hiện để hỗ trợ phát triển công nghiệp nông thôn thuộc các ngành, nghề quy định tại Điều 6 Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ.

### 2. Đối tượng

a) Các tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư sản xuất công nghiệp tại huyện, thị xã, thị trấn và xã (gọi là cơ sở công nghiệp nông thôn); bao gồm doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập, hoạt động theo Luật doanh nghiệp; hợp tác xã thành lập, hoạt động theo Luật hợp tác xã; hộ kinh doanh cá thể theo Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

b) Các tổ chức dịch vụ khuyến công, gồm: Trung tâm khuyến công, cơ sở đào tạo nghiên cứu khoa học công nghệ, doanh nghiệp có hoạt động tư vấn, đào tạo, chuyển giao công nghệ, cung cấp

thông tin, xúc tiến thương mại và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất công nghiệp nông thôn.

## III. NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề

a) Biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu và tổ chức các khóa đào tạo nghề, truyền nghề (chủ yếu là tại chỗ), ngắn hạn (dưới 1 năm), gắn với cơ sở công nghiệp nông thôn để tạo việc làm và nâng cao tay nghề cho lao động nông thôn;

b) Đào tạo thợ giỏi, nghệ nhân tiêu thủ công nghiệp để hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề ở nông thôn.

2. Chương trình nâng cao năng lực quản lý

a) Biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu khởi sự, quản trị doanh nghiệp công nghiệp nông thôn có nội dung phù hợp với nhu cầu thực tế và đối tượng đào tạo;

b) Đào tạo cán bộ của các tổ chức dịch vụ khuyến công để có đủ năng lực tham gia hoạt động tư vấn, đào tạo của chương trình (đào tạo giảng viên);

c) Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về khởi sự, quản trị doanh nghiệp nông thôn;

d) Tổ chức hội thảo, giới thiệu các kinh nghiệm quản lý, sản xuất kinh doanh, khoa học công nghệ mới và các chủ đề khác liên quan đến sản xuất công nghiệp cho cơ sở công nghiệp nông thôn;

đ) Tổ chức, hỗ trợ cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia các khóa học, hội thảo; thăm quan, khảo sát học tập kinh nghiệm sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước;

e) Tư vấn, hỗ trợ lập dự án, kế hoạch sản xuất kinh doanh để thành lập doanh nghiệp và doanh nghiệp mới thành lập.

3. Chương trình hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyên gia công nghệ và tiên bộ khoa học kỹ thuật

a) Điều tra, khảo sát, xây dựng danh mục mô hình trình diễn kỹ thuật công nghệ mới, sản phẩm mới cần phổ biến nhân rộng; danh mục công nghệ, tiên bộ khoa học kỹ thuật cần hỗ trợ chuyên gia;

b) Hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn trong sản xuất tiểu thủ công nghiệp để khuyến khích hiện đại hóa công nghệ truyền thống;

c) Hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn về sửa chữa, sản xuất máy cơ khí, nông cụ phục vụ nông - lâm - ngư nghiệp, cơ khí tiêu dùng; chế biến nông - lâm - thủy sản;

d) Hỗ trợ xây dựng các mô hình chế biến nguyên liệu, đặc biệt là quy mô nhỏ tại các vùng nguyên liệu phân tán để cung cấp cho các cơ sở công nghiệp chế biến, tiểu thủ công nghiệp;

đ) Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến vào các khâu sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xử lý ô nhiễm môi trường.

4. Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

a) Xây dựng Bộ tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm công nghiệp nông thôn thể hiện bản sắc văn hóa truyền thống, đáp ứng được thị hiếu người tiêu dùng trong và ngoài nước;

b) Xây dựng và ban hành hệ thống Quy chế bình chọn các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu phù hợp với các tiêu chuẩn tương ứng theo 5 cấp: xã, huyện, tỉnh, khu vực (vùng), quốc gia;

c) Định kỳ (hàng năm) tổ chức bình chọn và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã, huyện, tỉnh, khu vực, quốc gia;

d) Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm tiêu biểu mở rộng sản xuất, thị trường, cải tiến công nghệ, mẫu mã, bao bì đóng gói... để tạo ra những sản phẩm đạt được cấp cao hơn;

đ) Tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu. Xây dựng, đăng ký thương hiệu và các hoạt động xúc tiến thương mại.

5. Chương trình phát triển hoạt động tư vấn, cung cấp thông tin

a) Hỗ trợ hoạt động tư vấn khuyến công trong các lĩnh vực: lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; đất đai; ứng dụng công nghệ - thiết bị mới liên quan đến sản xuất công nghiệp nông thôn;

b) Hình thành và phát triển các hoạt động tư vấn khuyến công, gồm: điểm tư vấn cố định; tư vấn trực tiếp cho các cơ sở công nghiệp nông thôn; tư vấn qua mạng internet và các phương tiện thông tin đại chúng;

c) Xây dựng trung tâm dữ liệu điện tử về công nghiệp nông thôn, mạng lưới cộng tác viên tư vấn khuyến công từ trung ương đến địa phương;

d) Xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh, ấn phẩm khuyến công, trang web và các hình thức thông tin đại chúng khác.

6. Chương trình hỗ trợ liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế và phát triển các cụm - điểm công nghiệp

a) Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn thành lập các hiệp hội, hội ngành

ngành; liên kết vệ tinh sản xuất các mặt hàng phụ trợ; mô hình liên kết cơ sở sản xuất thủ công mỹ nghệ truyền thống với các doanh nghiệp du lịch;

b) Hỗ trợ hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp trong các ngành dệt may, da giày, cơ khí, tiểu thủ công nghiệp;

c) Hỗ trợ lập quy hoạch và đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm, điểm công nghiệp theo quy hoạch phát triển công nghiệp của địa phương tại những địa bàn khó khăn, công nghiệp chậm phát triển.

7. Chương trình nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện

a) Nghiên cứu trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản liên quan nhằm hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế, chính sách về hoạt động khuyến công;

b) Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, hướng dẫn hoạt động khuyến công để nâng cao hiệu quả của hoạt động khuyến công từ trung ương đến địa phương;

c) Kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công tại Bộ Công thương;

d) Đầu tư con người và cơ sở vật chất kỹ thuật cho các Trung tâm khuyến công theo hướng chuyên nghiệp hóa, kết nối với các cơ quan, viện, trường, doanh

nghiệp có khả năng thực hiện các hoạt động đào tạo, tư vấn kỹ thuật tại cơ sở;

đ) Xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu và tổ chức đào tạo nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công cho cán bộ làm công tác khuyến công;

e) Tăng cường quan hệ hợp tác quốc tế, tranh thủ các nguồn tài trợ nước ngoài và các tổ chức quốc tế cho hoạt động khuyến công.

**Điều 2.** Kinh phí thực hiện chương trình

1. Kinh phí sự nghiệp kinh tế thuộc ngân sách trung ương dành cho các hoạt động khuyến công do Bộ Công thương quản lý và tổ chức thực hiện dự kiến là 400 tỷ đồng.

2. Hàng năm, căn cứ vào Chương trình, Bộ Công thương (đối với kinh phí khuyến công quốc gia), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với kinh phí khuyến công địa phương) xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện để bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công thương có nhiệm vụ:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành

và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình;

b) Ban hành hoặc phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình;

c) Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch, đề án khuyến công hàng năm, theo các nội dung Chương trình quy định tại Điều 1 Quyết định này đối với những hoạt động, sản phẩm sản xuất có ý nghĩa toàn quốc hoặc khu vực phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển công nghiệp vùng, ngành và lãnh thổ;

d) Thành lập một số Trung tâm để thực hiện các đề án khuyến công quốc gia tại các vùng, do Bộ trưởng Bộ Công thương quyết định theo thẩm quyền;

đ) Định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình triển khai thực hiện Chương trình.

2. Bộ Tài chính có nhiệm vụ:

a) Bảo đảm kinh phí từ ngân sách nhà nước cho hoạt động khuyến công và hướng dẫn lập, quản lý sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương đạt hiệu quả, thiết thực;

b) Phối hợp với Bộ Công thương hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình phối hợp với Bộ Công thương lồng ghép các dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác với các đề án khuyến công thuộc Chương trình này để triển khai thực hiện.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nhiệm vụ:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương phổ biến, hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra giám sát các ngành, cấp tại địa phương thực hiện Chương trình;

b) Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch, đề án khuyến công hàng năm theo các nội dung Chương trình quy định tại Điều 1 Quyết định này;

c) Đảm bảo nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương và kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về khuyến công; đầu

tu cơ sở vật chất, con người cho Trung tâm khuyến công địa phương;

d) Tổ chức và huy động các nguồn lực, lồng ghép các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác với các đề án khuyến công thuộc Chương trình này để triển khai thực hiện;

đ) Định kỳ hàng quý báo cáo Bộ Công thương về tình hình thực hiện Chương trình tại địa phương.

#### **Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Sinh Hùng